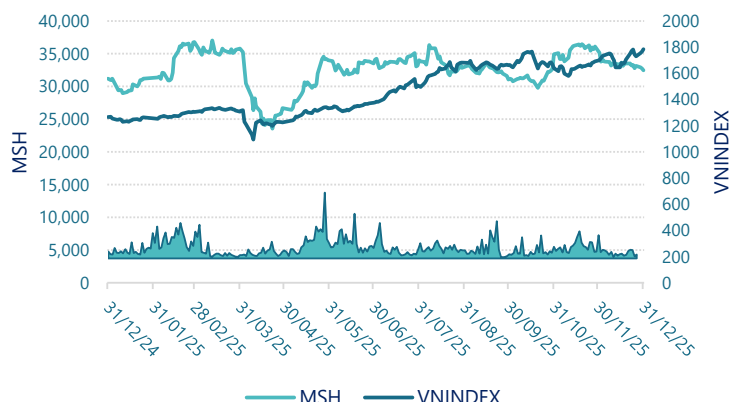


CTCP May Sông Hồng (HSX: MSH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	32,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,030
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,557
SL cổ phiếu LH	112,521,020
KLGD BQ 20 phiên (CP)	243,360
% sở hữu nước ngoài	7.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,651
P/E	5.7
EPS	5,738

DT thuần

Q4/25

1,388

tỷ VNĐ

QoQ: ▼259| -15.7%

YoY: ▼40.0| -2.8%

LN sau thuế

Q4/25

203

tỷ VNĐ

QoQ: ▲2.00| 1.0%

YoY: ▲33.0| 19.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

15.9%

+/- YoY: ▲4.6%

DT thuần

2025

5,538

tỷ VNĐ

YoY: ▲258| 4.9%

LN sau thuế

2025

671

tỷ VNĐ

YoY: ▲229| 51.6%

ROE

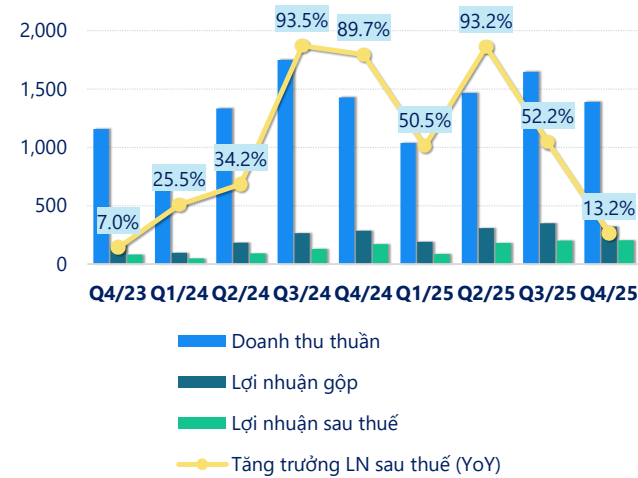
2025

30.3%

+/- YoY: ▲8.9%

tỷ VNĐ

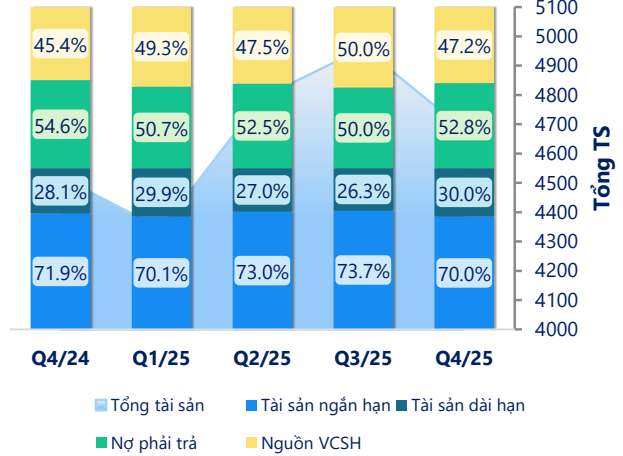
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

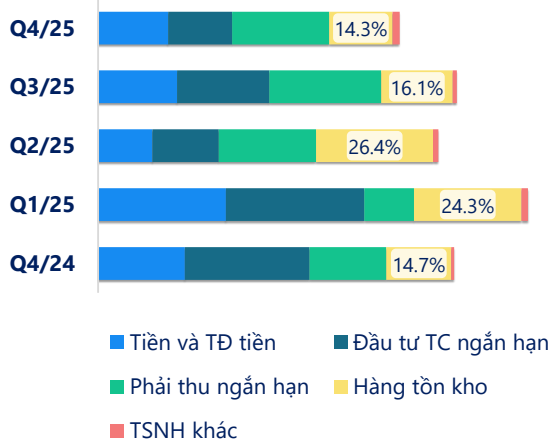
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



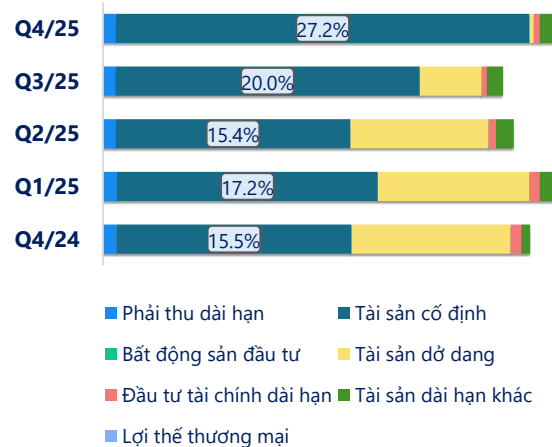
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

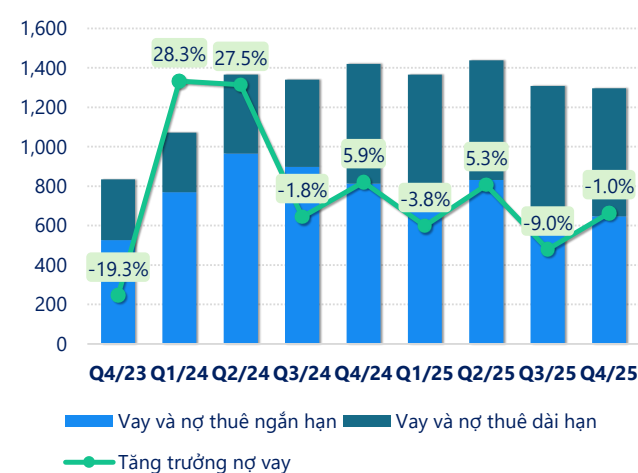
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

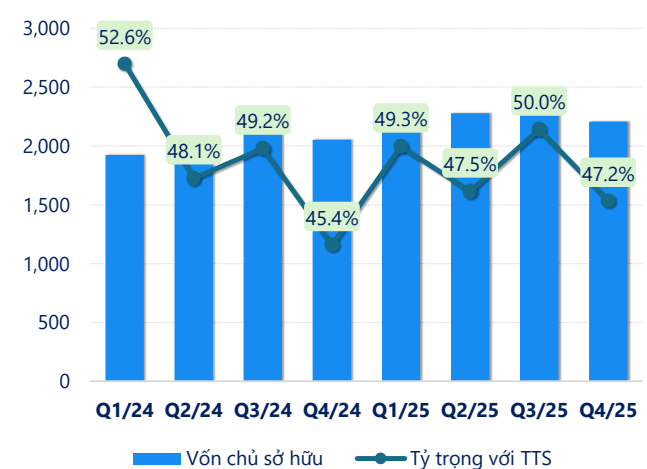
Nợ vay



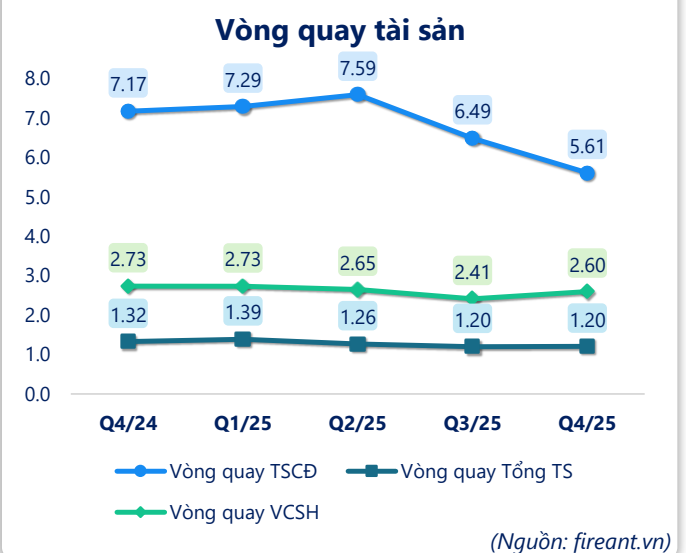
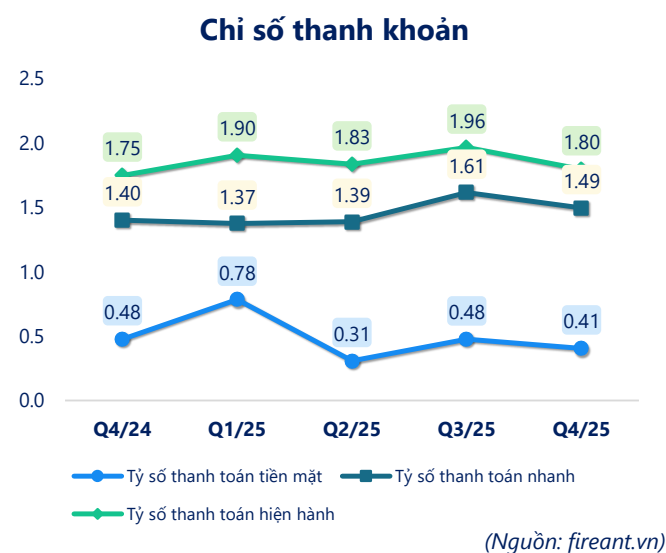
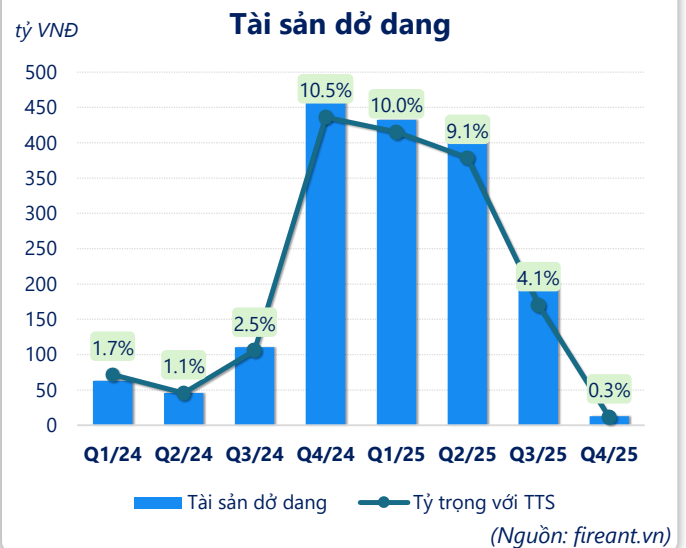
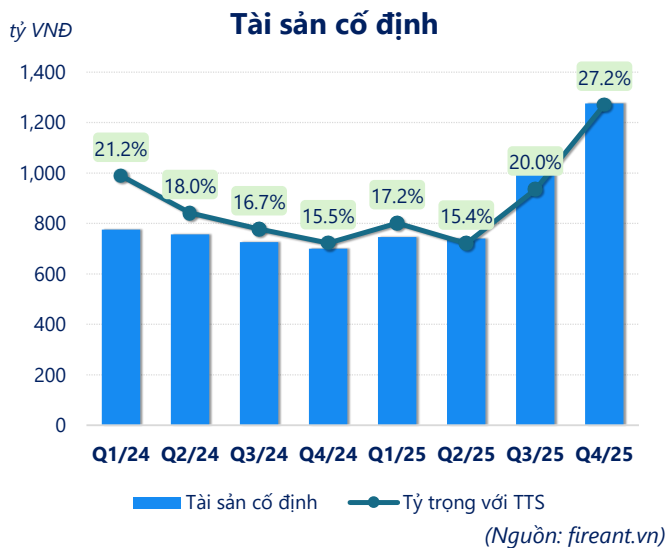
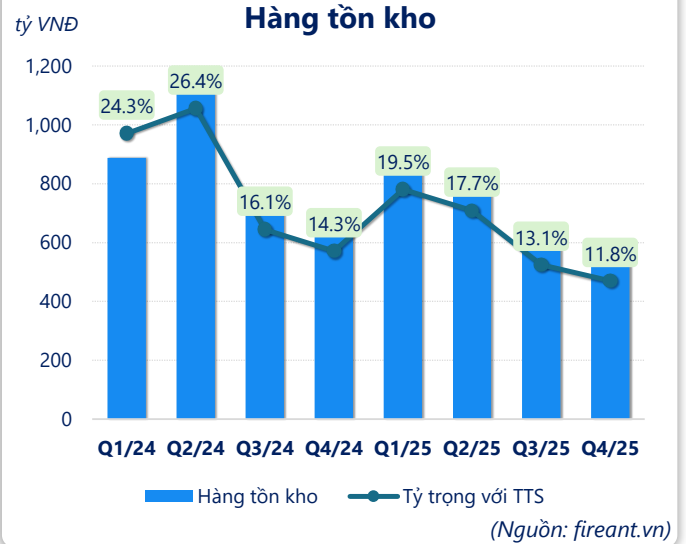
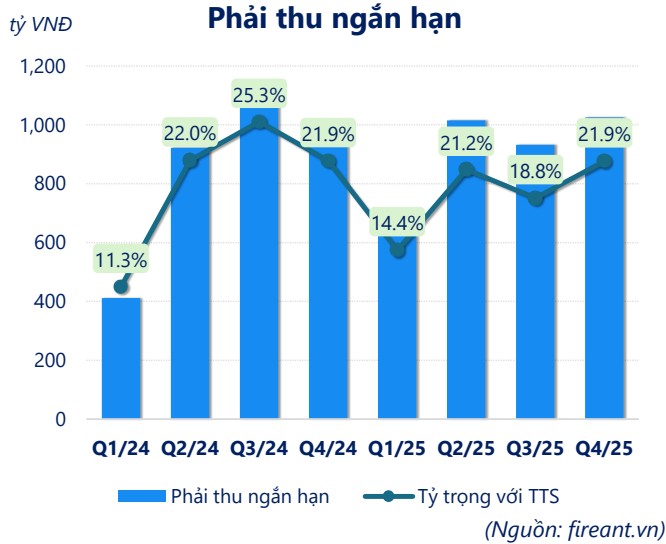
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	4,521	4,344	4,791	4,960	4,682
Tài sản ngắn hạn	3,250	3,045	3,496	3,654	3,279
Tiền và tương đương tiền	886	1,253	587	884	740
Đầu tư tài chính ngắn hạn	653	277	993	1,104	880
Phải thu ngắn hạn	992	624	1,016	932	1,026
Hàng tồn kho	645	848	849	651	550
Tài sản ngắn hạn khác	73.1	44.0	51.0	83.4	83.2
Tài sản dài hạn	1,271	1,299	1,295	1,306	1,403
Phải thu dài hạn	40.0	40.0	40.0	40.0	39.3
Tài sản cố định	700	746	740	994	1,276
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	473	433	436	203	12.7
Đầu tư tài chính dài hạn	31.9	29.7	24.0	16.2	18.2
Tài sản dài hạn khác	26.2	50.0	55.5	53.0	57.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,468	2,202	2,513	2,480	2,474
Nợ ngắn hạn	1,860	1,599	1,907	1,860	1,826
Vay và nợ thuê ngắn hạn	813	764	831	688	648
Phải trả người bán ngắn hạn	193	251	170	159	175
Nợ dài hạn	608	602	607	620	648
Vay và nợ thuê dài hạn	608	602	607	620	648
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,053	2,143	2,277	2,480	2,208
Vốn chủ sở hữu	2,053	2,143	2,277	2,480	2,208
Vốn điều lệ	750	750	1,125	1,125	1,125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)